

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ SỞ CỦA VIỆC XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ Ở VIỆT NAM

• PGS. TS. NGUYỄN LỘC

Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục

Cho đến các thập kỉ gần đây, các nước trên thế giới đều nhận ra rằng sự cùng tồn tại hòa bình phụ thuộc vào việc hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia, sự coi trọng nhau như là những đối tác bình đẳng. Việc giao tiếp và trao đổi thông tin nhằm tăng cường hiểu biết giữa các nền kinh tế, xã hội và văn hóa đa dạng trở thành nền tảng cơ bản cho sự phát triển những chiến lược chung vì lợi ích của tất cả. Chỉ những công dân có khả năng và kĩ năng ngôn ngữ phù hợp trong bối cảnh giao tiếp đa văn hóa mới có thể thiết lập được những kênh thông tin cần thiết cho việc hợp tác thành công. Điều này dẫn tới mối quan tâm sâu sắc chưa từng thấy đối với các nhà hoạch định chính sách giáo dục trong việc tăng cường dạy ngoại ngữ và trang bị hiểu biết về các nền văn hóa tương ứng, trong đó có Việt Nam.

Đảng và Chính phủ ta đã có nhiều nghị quyết và quyết định quan trọng định hướng cho việc dạy và học ngoại ngữ của đất nước. Gần đây nhất, trong Báo cáo của Chính phủ tại kì họp thứ 6 Quốc hội khoá XI (12/2004) cũng đã nhấn mạnh: "Triển khai chiến lược dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, tập trung chủ yếu vào tiếng Anh, khuyến khích dạy và học ngoại ngữ thứ hai. Cho phép một số cơ sở giáo dục đại học và sau đại học giảng dạy song ngữ (bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài) ở một số môn học, ngành học". Hơn nữa, Việt Nam vừa trở thành thành viên chính thức thứ 150 của WTO¹ và đã thỏa thuận cam kết thực hiện GATS² đối với tất cả 12 ngành dịch vụ, trong đó có giáo dục. Mặc dù hiện nay đang còn nhiều tranh luận về thời cơ và thách thức của các cam kết này đối với giáo dục, song điều rõ ràng là việc nâng cao trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ

nhân lực nói chung của đất nước, đặc biệt là thế hệ trẻ của Việt Nam đã trở nên hết sức cấp thiết.

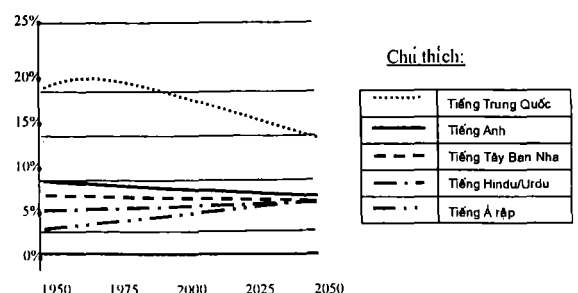
Để có một chiến lược dạy và học ngoại ngữ ở Việt Nam phù hợp ta cần phải trả lời ba câu hỏi nền tảng sau: *Dạy học ngoại ngữ nào? Dạy học ngoại ngữ đến trình độ nào? và Dạy học ngoại ngữ như thế nào?* Việc trả lời những câu hỏi này đòi hỏi cần có những nghiên cứu sâu về những vấn đề lý luận liên quan mà bài báo này mong muốn góp phần làm sáng tỏ.

Dạy học ngoại ngữ nào?

Các ngôn ngữ thông dụng trên thế giới

Xu thế chung hiện nay là số lượng các ngôn ngữ của thế giới đang giảm dần. Theo Ethnologue (Graddol, 2006), hiện nay trên thế giới chỉ còn gần 7.000 ngôn ngữ. Tuy vậy những ngôn ngữ này được phân bố rất không đều giữa các nhóm dân cư quốc tế, trong đó chỉ có 12 ngôn ngữ được nói nhiều nhất, chiếm tới 50% dân cư thế giới. Mặt khác, số lượng người bản ngữ của các ngôn ngữ thông dụng nhất trên thế giới như tiếng Trung Quốc, tiếng Anh và một số ngôn ngữ châu Âu cũng đang có xu hướng giảm dần. Chẳng hạn, nếu xét cách đây 50 năm thì tiếng Anh luôn chiếm vị thế thứ hai rõ ràng sau tiếng Trung Quốc, song nhiều nhà ngôn ngữ cho rằng đến giữa thế kỉ 21 này thì vị trí thứ 2 của tiếng Anh sẽ bị thách thức bởi một số ngôn ngữ khác như tiếng Tây Ban Nha, Hin-du/Urdu và Ả-rập.

Hình 1: Biến đổi về tỉ lệ dân số sử dụng một số ngôn ngữ phổ biến (Graddol, 2006)



(1) Viết tắt của World Trade Organization - Tổ chức Thương mại thế giới.

(2) Viết tắt của The General Agreement on Trade in Services - Hiệp định chung về Thương mại dịch vụ.



Vị thế “lingua franca” của tiếng Anh

Theo số liệu thống kê, nếu so với nền kinh tế của các thứ tiếng khác nhau thì các nước nói tiếng Anh có tỉ trọng kinh tế lớn nhất thế giới – 28%, sau đó là nền kinh tế của các nước nói tiếng Hoa có tỉ trọng đứng thứ hai - chiếm 23%, thứ ba là của Nhật – 5,6%... (Davis, 2004). Đặc biệt khá thú vị là số lượng những người nói tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai đã vượt hẳn số lượng người nói thứ tiếng này như ngôn ngữ thứ nhất và đã lên tới ít nhất là hơn nửa tỉ người (Olster, 2005). Tỉ lệ sinh viên quốc tế đến du học tại các nước nói tiếng Anh lên tới 53% (tiếp theo là các nước nói tiếng Pháp - 11%, tiếng Đức - 9%...). Tiếng Anh là ngôn ngữ chính của sách, báo, hàng không, thương mại quốc tế, hội nghị, khoa học, công nghệ, ngoại giao, thể thao, âm nhạc, quảng cáo, internet, v.v... Hơn hai phần ba các nhà khoa học trên thế giới đọc sách tiếng Anh. Ba phần tư thư từ được viết bằng tiếng Anh. Điều được thừa nhận chung hiện nay là tiếng Anh đã đạt tới vị thế của “lingua franca”³.

Hai tiếp cận trong chính sách chọn ngoại ngữ của một quốc gia

Chọn ngoại ngữ nào để dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân được tranh luận khá sôi nổi và cách tiếp cận của từng quốc gia là rất khác nhau. Tuy nhiên, các nghiên cứu gần đây về chính sách chọn ngoại ngữ để dạy của một quốc gia cho thấy rằng nhìn chung là có hai cách tiếp cận. Cách thứ nhất được gọi là tiếp cận sử dụng⁴. Đặc điểm của “tiếp cận sử dụng” là khi chọn

ngôn ngữ để dạy ở một quốc gia cụ thể cần xem xét ngôn ngữ đó có tác dụng gì đối với việc phát triển nền kinh tế-xã hội của quốc gia đó. Khi đánh giá tính “sử dụng” của một ngôn ngữ, các quốc gia thường phải tính đến mức độ phổ biến của ngôn ngữ đó cũng như vị thế kinh tế của các quốc gia mà ngôn ngữ đó là bản ngữ, quy mô hoạt động kinh doanh, văn hóa, du lịch, v.v... Cách thứ hai được gọi là tiếp cận quan hệ⁵. Bản chất của cách tiếp cận này là việc chọn ngôn ngữ để dạy trong hệ thống giáo dục của một quốc gia, điều này phụ thuộc vào mối quan hệ vốn có giữa quốc gia đó với quốc gia mà ngôn ngữ đó là bản ngữ. Mô hình quen thuộc của “tiếp cận quan hệ” là mối quan hệ giữa quốc gia vốn là thuộc địa cũ của một quốc gia đế quốc nào đó với chính quốc gia đế quốc đó. Do nhiều lý do, các quốc gia thuộc địa cũ thường tiếp tục dạy ngôn ngữ vốn là bản ngữ của các quốc gia đế quốc trước đây. Chính vì vậy mà các học giả phương Tây gọi chính sách chọn ngoại ngữ này là “imperialism”. Song thực ra còn có nhiều mối quan hệ khác cần xét đến, chẳng hạn như việc chọn tiếng Nga làm ngoại ngữ được dạy trong các trường phổ thông của các nước Đông Âu trước đây là dựa trên mối quan hệ hợp tác đặc biệt giữa các nước đó với Liên Xô cũ. Có thể lấy ví dụ cho hai cách tiếp cận về chính sách chọn ngoại ngữ giới thiệu trên như sau. Ở châu Âu, tiếng Anh được chọn như ngoại ngữ thứ nhất ở các nước Đan Mạch, Hy Lạp, Hà Lan, Thụy Điển, Liechtenstein, Na Uy, Thổ Nhĩ Kỳ và Latvia, còn tiếng Pháp được chọn như ngoại ngữ thứ nhất ở Bỉ, tiếng Đức ở Luxembourg, và tiếng Đan Mạch ở Iceland. Đối với ngoại ngữ thứ hai thì tiếng Pháp được chọn ở Luxembourg, Liechtenstein và Thổ Nhĩ Kỳ, trong khi đó tiếng Anh - Iceland (Eurydice, 2001). Chính sách chọn ngoại ngữ của các nước này chủ yếu theo tiếp cận sử dụng. Việc An-giê-ri chọn tiếng Pháp và Bru-nei chọn tiếng Anh để dạy trong hệ thống

(3) Khái niệm “lingua franca” có gốc từ tiếng Italia và có nghĩa ban đầu là sự xáo trộn giữa ngôn ngữ Italia với các ngôn ngữ khác như tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Hy Lạp và tiếng Ả Rập và được dùng ở các hải cảng ở địa Trung Hải. Về sau thuật ngữ này được dùng với nghĩa rộng hơn để chỉ bất kì ngôn ngữ nào được sử dụng nhằm giúp những người nói các ngôn ngữ khác nhau có thể hiểu nhau được. Trong lịch sử cũng đã có nhiều ngôn ngữ được sử dụng như “lingua franca”, chẳng hạn như tiếng Pháp trong giới ngoại giao của thế kỉ 18 hay là ngôn ngữ Swahili hiện đang được sử dụng khắp vùng Đông Phi.

Xem thêm: Nguyễn Lộc (2005), *Bản về chiến lược dạy và học ngoại ngữ*, Tạp chí Thông tin Khoa học giáo dục, số 114/2005, trang 10-14, Hà Nội.

(4) Thuật ngữ này có tên tiếng Anh là pragmatism - thực dụng, nhằm mục đích sử dụng.

(5) Thuật ngữ này có tên tiếng Anh là imperialism - đế quốc, bành trướng, gây ảnh hưởng, chế ngự.

nhà trường của mình có thể được coi là ví dụ về tiếp cận quan hệ. Có thể nói việc phân định giữa hai cách tiếp cận nêu trên chỉ mang tính tương đối vì trong thực tiễn, trong tiếp cận sử dụng cũng chứa đựng các yếu tố quan hệ và ngược lại. Tuy nhiên, cần nhận thấy rằng chính sách chọn ngôn ngữ theo tiếp cận sử dụng đang là xu thế áp đảo trên quốc tế.

Day học ngoại ngữ đến trình độ nào?

Khung tham chiếu chung châu Âu - CEFR

Trong nhiều năm nay, việc đánh giá trình độ năng lực sử dụng ngôn ngữ được các nước tiến hành rất khác nhau, trong đó có các ngôn ngữ của châu Âu. Thậm chí đối với một ngôn ngữ cũng có vô số cách đánh giá. Chẳng hạn, chỉ riêng đối với tiếng Anh người ta thấy có đến hàng chục khung đánh giá khác nhau như TOEFL, IELTS, Cambridge Main Suite Examinations, BEC⁶... Do vậy, để thống nhất việc đánh giá trình độ năng lực sử dụng ngôn ngữ, năm 2001, Cộng đồng châu Âu đã khuyến cáo các nước thành viên của Cộng đồng sử dụng cái gọi là Khung tham chiếu chung châu Âu - Common European Framework of Reference, được viết tắt là CEFR. Khung tham chiếu chung này có thể dùng làm cơ sở để đo đạc năng lực ngôn ngữ, xây dựng chương trình ngôn ngữ, so sánh các ngôn ngữ khác nhau, thiết kế đánh giá, tạo cấu trúc cho tiến bộ ngôn ngữ liên tục. Khung tham chiếu hiện được áp dụng đối với hơn 30 ngôn ngữ trên thế giới như: Catalan, Dansk, Deutsch, English, Espanol, Euscara, Français, Ελληνικα, Italiano, Létzebuergesch, Nederlands, Norsk, Portuguese, Suomi, Svenska... CEFR gồm 6 bậc trình độ được nhóm thành 3 mức A, B, C như sau:

Hình 2: Các bậc trình độ ngôn ngữ của Khung tham chiếu chung châu Âu

C-Proficient User (Người sử dụng thành thạo)	C2 Mastery (Rất thành thạo) C1 Effective Operational Proficiency (Thành thạo)
B-Independent User (Người sử dụng độc lập)	B2 Vantage (Vượt ngưỡng) B1 Threshold (Đạt ngưỡng)
A-Basic User (Người sử dụng sơ bộ)	A2 Waystage (Cận ngưỡng) A1 Breakthrough (Vỡ lòng)

Mức trình độ ngôn ngữ cần học

Mức trình độ ngôn ngữ cần học trong hệ thống giáo dục quốc dân của mỗi quốc gia là khác nhau. Song nhìn chung trong nhiều năm trước đây, mức trình độ ngôn ngữ của học sinh châu Âu tốt nghiệp phổ thông trung học thường là ở cấp độ B1- Threshold (Đạt ngưỡng). Mô tả chung về trình độ năng lực ở cấp độ này theo CEFR là như sau: *Người nói đạt trình độ này có thể giao tiếp trong nhiều tình huống thường gặp hàng ngày với các cấu trúc ngôn ngữ có thể đoán trước được. Với loại tài liệu mà người nói ở trình độ Vỡ lòng chỉ nắm được ý cơ bản nhất thì người nói ở trình độ này đã có thể nhận biết được nhiều thông tin hơn. Ngoài những số liệu và sự kiện căn bản, họ đã nhận ra được cả quan điểm, thái độ, tình cảm và mong muốn được gửi gắm của tác giả kèm theo đó.* Trong những năm gần đây nhiều quốc gia có xu thế nâng mức trình độ ngôn ngữ của học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học lên một mức độ cao hơn, đó là cấp độ B2 Vantage - Vượt ngưỡng. Mô tả chung về trình độ năng lực ở cấp độ này theo CEFR là như sau: *Người đạt tới trình độ này đã vững vàng và tự tin khi sử dụng các cấu trúc chính của ngôn ngữ, có một vốn từ vựng khá rộng và sử dụng được các chiến lược giao tiếp phù hợp trong những tình huống giao tiếp xã hội khác nhau. Đối với một đoạn văn nói hoặc văn viết, họ đã có thể nắm được những thông tin không chỉ là số liệu và sự kiện đơn thuần, mà còn phân biệt được giữa ý chính và ý phụ, giữa chủ đề chung của một đoạn*

(6) TOEFL: Test of English as a Foreign Language - Trắc nghiệm Anh ngữ như một ngoại ngữ, IELTS: International English Language Testing System - Hệ thống trắc nghiệm Anh ngữ quốc tế, Cambridge Main Suite Examinations: Khảo thí Anh ngữ của Đại học Cambridge, BEC: Business English Certificates Examinations - Khảo thí Chứng chỉ Anh ngữ thương mại.

với các ý diễn giải chi tiết. Trình độ này cho phép người dùng sử dụng ngôn ngữ một cách độc lập để giải quyết nhiều tình huống, kể cả các tình huống nảy sinh bất ngờ. Họ đã bắt đầu nhận thức và thể hiện được các phong cách, các quy tắc chuẩn mực của lối nói lịch sự, cũng như thể hiện được nhiều mức độ trang trọng khác nhau cho phù hợp trong khi nói.

Theo tính toán của các nhà nghiên cứu châu Âu, thời lượng cần thiết để hoàn thành một bậc trình độ là 230 tiết, tuy nhiên theo tính toán trong một số công trình nghiên cứu ở Việt Nam, thời lượng được khuyến cáo là 300 tiết (Nguyễn Hòa, 2007).

Day học ngoại ngữ như thế nào?

Trong phần này, việc tổng quan các cách thức dạy học ngoại ngữ được thực hiện thông qua ví dụ cụ thể đối với tiếng Anh. Các cách thức này có thể hoàn toàn được áp dụng tương tự như đối với các ngoại ngữ khác. Riêng cách thức dạy học tiếng Anh như "lingua franca" chỉ có thể áp dụng đối với những ngôn ngữ đã đạt được vị thế như lingua franca.

Day và học tiếng Anh như một ngoại ngữ - EFL

Cách tiếp cận dạy tiếng Anh lâu đời nhất là tiếng Anh như một ngoại ngữ - English as a foreign language hay là EFL. Cách tiếp cận này có từ thế kỉ thứ 19 và chú trọng đến tầm quan trọng của việc học về văn hóa, xã hội của đất nước mà tiếng Anh là bản ngữ. Khi được dạy như EFL, tiếng Anh được coi như là một môn học trong chương trình giáo dục và học sinh thường được học từ lứa tuổi 11 hoặc 12. Trọng tâm của việc học tiếng Anh thường là ngữ pháp và phát âm sao cho giống người bản ngữ. Mặc dù có nhiều cải tiến trong nhiều năm qua, song kết quả thu được theo cách tiếp cận này được đánh giá là khiêm tốn. Nhiều người còn cho rằng mô hình EFL mặc dù có nhiều tiến triển về sự phạm song cuối cùng chỉ tạo ra những thất bại.

Day và học tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai - ESL

Khác với EFL, một trong những đặc điểm cơ bản của dạy và học tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai - English as a second language hay là ESL - là cách thức này thừa nhận vai trò của tiếng Anh trong xã hội mà nó được dạy. ESL được xuất hiện từ nhu cầu của Đế quốc Anh trong việc dạy tiếng Anh cho một số người thuộc địa để họ giúp người Anh cai trị thuộc địa rộng lớn của họ. Chiến lược đế quốc này bao gồm việc phát hiện một nhóm người bản xứ tinh tú để đào tạo theo một chương trình được thiết kế sao cho họ có thể thành thạo tiếng Anh, đồng thời tôn thờ văn hóa và giá trị của nước Anh nói riêng và phương Tây nói chung. Ở những đất nước dạy và học theo ESL, trẻ em thường học một ít tiếng Anh một cách không chính thức trước khi đến trường, do vậy vai trò của nhà trường thường là tiếp tục mở rộng các kiến thức đã học được. Ở những nước có các phiên bản tiếng Anh dạng bản địa thì nhà trường có vai trò dạy học sinh các phương án chính thống và chuẩn mực hơn.

Cả EFL và ESL đều là hai cách tiếp cận truyền thống của dạy và học tiếng Anh vốn được bắt đầu gần ba thế kỉ nay. Trong thời gian gần đây thực tiễn dạy học đã phát triển rất nhanh chóng và đã tạo nên nhiều xu thế mới, phù hợp hơn so với hai tiếp cận truyền thống nêu trên.

Day học kết hợp nội dung và ngôn ngữ - CLIL

Day học kết hợp nội dung và ngôn ngữ - Content and language intergrated learning hay là CLIL là một cách tiếp cận của giáo dục song ngữ, theo đó nội dung của một môn học nào đó, chẳng hạn như môn Toán hay là Sinh vật và tiếng Anh được dạy cùng một lúc. Cách dạy học này khác với dạy học bằng tiếng Anh ở chỗ học sinh không cần phải đạt đến trình độ thông thạo tiếng Anh trước khi bắt tay vào học một môn học nào đó. Do vậy, CLIL có nghĩa là dạy học một

học thông qua một ngoại ngữ mà ngoại ngữ đó cũng được học trong suốt quá trình đó. CLIL được xuất hiện từ những canh tân giáo dục ở Phần Lan vào giữa những năm 90 và được áp dụng rộng rãi ở các nước châu Âu, chủ yếu là đối với tiếng Anh. Nhìn chung, không có một khuôn mẫu nào cho việc triển khai CLIL và thực tiễn dạy học theo tiếp cận này là hết sức đa dạng. CLIL thường được so sánh với triết lý của cái gọi là giáo dục kịp thời - JIT learning và được coi như là phương pháp dạy học giao tiếp ở mức độ cao nhất. Ở phần lớn các nước, CLIL thường được áp dụng ở các trường trung học, khi mà các em học sinh đã có được một số kỹ năng sơ đẳng về ngoại ngữ đã học được ở tiểu học. CLIL thay đổi mối quan hệ làm việc trong nhà trường, đòi hỏi những thay đổi về văn hóa thường là không dễ áp dụng trong nhà trường. Chẳng hạn, các giáo viên tiếng Anh cần phải hợp tác chặt chẽ với giáo viên môn học khác để đảm bảo việc dạy học ngoại ngữ được thực hiện tốt, do đó phải dành nhiều thời gian hơn để lập kế hoạch và chuẩn bị bài. Hơn nữa, các giáo viên tiếng Anh có thể sẽ bị động hơn nhiều trong việc dạy môn tiếng Anh, phải thực hiện nhiều hơn vai trò hỗ trợ và điều chỉnh. Vì những lý do này mà mặc dù CLIL được phát triển khá nhanh chóng ở một số nước, song chúng mang tính chất tự phát nhiều hơn là các chương trình có chỉ đạo từ trên xuống dưới. CLIL chỉ có thể áp dụng được khi các giáo viên môn học thông thạo ngoại ngữ được sử dụng, tiếng Anh chẳng hạn.

Dạy học tiếng Anh như "lingua franca" - ELF

Như đề cập ở trên, số lượng những người nói tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai đã vượt hẳn số lượng người nói thứ tiếng này như bản ngữ đã dẫn đến một xu thế không thể đảo ngược là sự giao tiếp bằng tiếng Anh với người bản ngữ đã trở nên ít hơn. Do vậy, rất nhiều nhà nghiên cứu cho rằng tiếng Anh ngày nay cần được dạy và

đánh giá sao cho đáp ứng được nhu cầu và nguyện vọng của nhóm dân cư không bản ngữ ngày càng tăng, những người sử dụng tiếng Anh để giao tiếp với những người không bản ngữ khác. Và như thế là dạy học tiếng Anh như "lingua franca" - English as a lingua franca hay là ELF đã ra đời. Việc phân tích sử dụng tiếng Anh của những người không bản ngữ cũng đã trở thành một lĩnh vực nghiên cứu hết sức nghiêm túc. Một trong những đặc điểm quan trọng của ELF là "sự hiểu được" đóng vai trò quan trọng hơn là "sự chính xác giống như người bản ngữ" trong việc dạy học ngoại ngữ. Chẳng hạn việc dạy phát âm thật chính xác một số từ như phụ âm "th" trong tiếng Anh được coi như lãng phí thời gian mà nên dành thời gian để giải quyết các vấn đề phát âm khác quan trọng hơn đối với "sự hiểu được", chẳng hạn như việc phát âm nuốt phụ âm. Một đặc điểm nữa cần lưu ý là khác với EFL, ELF chú trọng đến các phương pháp mang tính thực dụng cao cần thiết trong giao tiếp giữa các nền văn hóa khác nhau, cho nên mô hình mục tiêu tiếng Anh của ELF không phải là người nói tiếng Anh bản ngữ, mà là người song ngữ. Mô hình này là người song ngữ vẫn giữ bản sắc dân tộc trong cách phát âm, giọng nói, song có kỹ năng thành thạo trong giao tiếp với người khác bằng tiếng Anh. ELF thậm chí bắt đầu chỉ ra nhiều nhược điểm của chính những người nói tiếng Anh bản ngữ và rõ ràng trong tương lai không xa các luận điểm của ELF sẽ cần đưa vào các chương trình dạy tiếng mẹ đẻ cho người bản ngữ. Ở châu Á, các học giả ELF thậm chí đã khởi xướng việc dạy học tiếng Anh như một ngôn ngữ châu Á - English as an Asian language.

Dạy học tiếng Anh cho người nhỏ tuổi - EYL

Một xu thế nữa cần thừa nhận là độ tuổi của những người học tiếng Anh ngày càng giảm. Hiện tượng chung trên thế giới là ở hầu hết các nước, từ Chi Lê, Mông Cổ đến Trung Quốc, Bồ

(7) Viết tắt của just in time - kịp thời, đúng lúc.



Đào Nha... tiếng Anh được triển khai dạy và học ở cấp tiểu học với mức độ bắt buộc mạnh mẽ hơn. Xu thế này được gọi là dạy học tiếng Anh cho người nhỏ tuổi - English for young learners hay là EYL. Thống kê cho thấy (Eurydice, 2001), đại đa số các nước đã triển khai dạy học tiếng Anh ở tiểu học từ những năm 90. Mới đầu EYL chỉ mang tính chất thử nghiệm, sau đó là triển khai đại trà. Một trong những lí do quan trọng của EYL là trẻ nhỏ học ngoại ngữ dễ hơn so với học sinh lớn tuổi hơn. Cùng với đó là do bắt đầu học từ nhỏ tuổi nên học sinh sẽ có thời gian học ngoại ngữ dài hơn, nhiều hơn, trong khi đó ở cấp trung học do phải học rất nhiều môn học nên quỹ thời gian dành cho học ngoại ngữ đã trở nên hết sức hạn chế. Cuối cùng là EYL sẽ tạo tiền đề lí tưởng cho việc triển khai CLIL hoặc giáo dục song ngữ ở cấp trung học. Mặt khác, cần lưu ý rằng trẻ em nhỏ tuổi còn gặp nhiều khó khăn so với người lớn tuổi hơn trong việc học ngoại ngữ. Trước hết đó là trẻ em nhỏ tuổi chưa phát triển đầy đủ về mặt thể lực và trí tuệ nên cần phải có nhiều tác động về mặt cảm xúc hơn. Hơn nữa mức độ trách nhiệm học tập của trẻ nhỏ tuổi còn ở mức độ thấp nên có nhiều ảnh hưởng đến kết quả học tập. Do vậy, việc triển khai EYL đòi hỏi phải có một đội ngũ giáo viên không những thành thạo về tiếng Anh, mà còn được đào tạo bài bản về sự phát triển của trẻ em nhỏ tuổi để họ có thể tạo ra những động cơ cảm xúc cho trẻ em trong khi học ngoại ngữ. Việc thiếu đội ngũ giáo viên như vậy chính là nguyên nhân thất bại của EYL ở nhiều quốc gia trên thế giới.

Kết luận

Việc làm sáng tỏ các vấn đề về lí luận liên quan đã giúp ta có định hướng trong việc tìm câu trả lời cho ba câu hỏi nêu trên nhằm đề ra một chiến lược dạy và học ngoại ngữ phù hợp ở Việt Nam. Về câu hỏi thứ nhất "Dạy học ngoại ngữ nào?", rõ ràng ta phải lưu tâm đến vị thế và tính phổ biến của ngôn ngữ mà ta muốn dạy ở Việt

Nam. Mặt khác trong bối cảnh lịch sử truyền thống của đất nước, cùng với những "quan hệ" truyền thống, ta cần phải tính đến xu thế chủ đạo của "tiếp cận sử dụng" trong việc lựa chọn ngôn ngữ cần dạy. Về câu hỏi thứ hai "Dạy học ngoại ngữ đến trình độ nào?", ta cần nhận thức rõ rằng trình độ ngoại ngữ mà học sinh Việt Nam đạt tới cần phải đủ để các em có thể sử dụng được một độc lập. Các bậc trình độ: B1 - Threshold - Đạt ngưỡng hoặc cao hơn là B2 Vantage - Vượt ngưỡng cần được xem xét áp dụng một cách nghiêm túc. Về câu hỏi thứ ba "Dạy học ngoại ngữ như thế nào", ta thấy thực tiễn dạy học ngoại ngữ ở Việt Nam chủ yếu mới chỉ dừng ở mức độ EFL. Các cách thức dạy học ngoại ngữ hiện đại hơn như ESL, CLIL, ELF và EYL cần được nghiên cứu để sớm áp dụng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Davis M. (2004), *GDP by Language, Unicode Technical Note # 13*, <http://www.unicode.org/notes/tn13/tn13-1.html>.
- Eurydice (2001), *Foreign Language Teaching in Schools in Europe*, Eurydice, European Commission, Brussels.
- Graddol D. (2006), *English Next*, British Council, London.
- Olster N. (2005), *Empires of the World: a language history of the world*, HarperCollins, London.
- Nguyễn Hòa (2007), *Application of the CEF and other frameworks at Vietnam National University College of Foreign Languages*, Seminar on "Language Assessment – International Standards and Recognition", 7 June 2007, Hanoi.
- Nguyễn Lộc (2005), *Bản vẽ chiến lược dạy và học ngoại ngữ*, Tạp chí Thông tin Khoa học giáo dục, Số 114 /2005, trang 10-14, Hà Nội.
- The Common European Framework of Reference for Languages*, <http://www.uk.cambridge.org/elt>

SUMMARY

The article presents several theoretical issues in establishing a strategy of teaching and learning foreign languages in Vietnam with focus on interpreting the answers to 3 questions: 1/ what foreign languages are taught and learnt? 2) To which level to teach and learn foreign languages? 3) How to teach and learn foreign languages?